

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty và Tập đoàn trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị	Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
	Ông Trần Tuấn Dương	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Chủ tịch
	Ông Doãn Gia Cường	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
	Ông Tạ Tuấn Quang	Thành viên
	Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên
	Ông Andy Ho	Thành viên
Ông Hans Christian Jacobsen	Thành viên	
Ban Giám đốc	Ông Trần Tuấn Dương	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Thông tin về Công ty

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0900189284 ngày 22 tháng 11 năm 2012. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn được trình bày tại Thuyết minh số 1 cho báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát **Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

Kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 1.954.188 triệu VND (2012: 994.024 triệu VND).

Trong năm, Công ty đã hoàn tất việc chi trả cổ tức đợt 2 năm 2012 cho các cổ đông bằng tiền với tỷ lệ 10% trên mệnh giá cổ phiếu, tương đương với 419.053 triệu VND, theo nghị quyết số 13/NQHP-2013 ngày 21 tháng 8 năm 2013 của Hội đồng Quản trị của Công ty.

Các sự kiện sau ngày kết thúc năm kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán của Công ty và Tập đoàn là Công ty TNHH KPMG.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát **Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



(Handwritten signature)

Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2014



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15-03-2014, được trình bày từ trang 6 đến 62.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá các rủi ro có sai sót trọng yếu trong các báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với từng trường hợp, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính phù hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quan của báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

KPMG Limited, a Vietnamese limited liability company and a member firm of the KPMG network of independent member firms affiliated with KPMG International Cooperative (“KPMG International”), a Swiss entity



Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 13-02-034-2013-a



Wang Toon Kim

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Lê Việt Hùng

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0296-2013-007-1

Hà Nội, 15 -03- 2014

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		12.402.515.338.144	10.220.788.345.768
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	2.125.322.390.697	1.294.493.700.487
Tiền	111		282.763.115.669	171.268.004.046
Các khoản tương đương tiền	112		1.842.559.275.028	1.123.225.696.441
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	14.1	387.793.671.402	219.951.513.600
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	1.629.428.547.084	1.646.343.637.635
Phải thu khách hàng	131		1.258.518.278.675	1.150.508.510.152
Trả trước cho người bán	132		350.774.484.077	381.695.830.668
Phải thu khác	135		34.778.986.769	292.729.021.071
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(14.643.202.437)	(178.589.724.256)
Hàng tồn kho	140	8	8.029.575.289.191	6.822.077.238.740
Hàng tồn kho	141		8.064.854.889.451	6.847.996.509.051
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(35.279.600.260)	(25.919.270.311)
Tài sản ngắn hạn khác	150		230.395.439.770	237.922.255.306
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		42.122.793.350	37.412.808.587
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		127.795.589.569	141.403.013.965
Thuế và các khoản khác phải thu				
Ngân sách Nhà nước	154	9	34.144.629.790	32.413.440.414
Tài sản ngắn hạn khác	158		26.332.427.061	26.692.992.340

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260 + 269)	200		10.673.862.524.545	8.794.975.115.778
Các khoản phải thu dài hạn	210	7	449.759.238.679	448.979.590.000
Phải thu khác	218		449.759.238.679	448.979.590.000
Tài sản cố định	220		9.187.130.524.312	7.007.089.647.235
Tài sản cố định hữu hình	221	10	8.864.496.339.790	4.295.767.594.850
Nguyên giá	222		11.747.912.985.324	6.529.948.378.267
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.883.416.645.534)	(2.234.180.783.417)
Tài sản cố định vô hình	227	11	189.063.615.103	166.217.334.650
Nguyên giá	228		215.917.099.640	188.296.995.886
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(26.853.484.537)	(22.079.661.236)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	12	133.570.569.419	2.545.104.717.735
Bất động sản đầu tư	240	13	62.002.294.764	66.519.066.085
Nguyên giá	241		88.066.912.353	88.066.912.353
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(26.064.617.589)	(21.547.846.268)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14.2	21.255.298.806	26.218.497.620
Đầu tư vào công ty liên kết	252		5.553.170.441	5.809.369.255
Đầu tư dài hạn khác	258		15.702.128.365	20.409.128.365
Tài sản dài hạn khác	260		380.858.246.946	394.091.242.174
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	326.428.533.088	327.676.686.308
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	54.344.805.858	47.988.208.522
Tài sản dài hạn khác	268		84.908.000	18.426.347.344
Lợi thế thương mại	269	17	572.856.921.038	852.077.072.664
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		23.076.377.862.689	19.015.763.461.546

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		13.489.417.843.130	10.438.205.916.396
Nợ ngắn hạn	310		11.142.521.402.951	7.362.009.487.292
Vay ngắn hạn	311	18	5.743.559.817.748	4.850.248.888.636
Phải trả người bán	312		2.313.957.097.164	1.520.631.891.532
Người mua trả tiền trước	313		79.676.433.981	187.595.273.309
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	19	387.853.096.459	209.932.737.460
Phải trả người lao động	315		122.128.725.001	95.436.269.206
Chi phí phải trả	316	20	345.447.630.212	332.804.558.333
Phải trả khác	319	21	2.045.822.283.922	105.794.771.676
Dự phòng	320	22	13.212.673.156	11.211.707.436
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		90.863.645.308	48.353.389.704
Vay và nợ dài hạn	330		2.346.896.440.179	3.076.196.429.104
Phải trả khác	333	21	514.930.691.650	1.620.487.869.471
Vay và nợ dài hạn	334	23	1.831.823.606.336	1.455.708.545.840
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		142.142.193	13.793
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		9.500.327.254.417	8.085.135.114.809
Vốn chủ sở hữu	410	24	9.500.327.254.417	8.085.135.114.809
Vốn cổ phần	411	25	4.190.525.330.000	4.190.525.330.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	24	2.207.350.817.068	2.207.350.817.068
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	4.421.231.105
Quỹ dự phòng tài chính	418	24, 27	459.080.197.478	290.114.305.696
Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.643.370.909.871	1.392.723.430.940
LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		86.632.765.142	492.422.430.341
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		23.076.377.862.689	19.015.763.461.546

Người lập:



Hoàng Thị Thanh Hương
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lý Thị Ngân
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu	01	28	19.200.234.178.082	17.122.073.926.267
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	265.942.027.551	295.222.033.283
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		18.934.292.150.531	16.826.851.892.984
Giá vốn hàng bán	11	29	15.650.540.636.204	14.341.642.566.494
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		3.283.751.514.327	2.485.209.326.490
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	276.278.618.993	164.624.612.181
Chi phí tài chính	22	31	528.408.903.958	585.024.105.173
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>370.947.849.826</i>	<i>526.970.967.624</i>
Chi phí bán hàng	24		253.653.065.057	274.039.974.293
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		416.174.707.153	586.966.481.317
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		2.361.793.457.152	1.203.803.377.888
Thu nhập khác	31	32	199.104.247.497	210.272.300.024
Chi phí khác	32	33	166.237.311.403	195.329.039.096
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		32.866.936.094	14.943.260.928
Lỗ từ các công ty liên kết	45	14	(256.198.814)	(541.298.162)
Lợi nhuận trước thuế TNDN (50 = 30 + 40 + 45)	50		2.394.404.194.432	1.218.205.340.654
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	390.183.260.599	168.282.075.477
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	34	(6.214.468.936)	19.417.835.660
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.010.435.402.769	1.030.505.429.517
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61		56.247.864.906	36.481.107.081
Chủ sở hữu của Công ty	62		1.954.187.537.863	994.024.322.436
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	4.663	2.386

Người lập:



Hoàng Thị Thanh Hương
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lý Thị Ngân
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		2.394.404.194.432	1.218.205.340.654
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và khấu trừ	02		720.195.566.311	596.227.337.059
Phân bổ lợi thế thương mại	02		275.023.878.726	125.092.018.440
Các khoản dự phòng	03		(147.647.242.587)	90.834.354.093
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		9.755.308.690	1.105.860.020
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(239.922.767.209)	(127.834.058.603)
Chi phí lãi vay	06		370.947.849.826	526.970.967.624
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		3.382.756.788.189	2.430.601.819.287
Biến động các khoản phải thu và phải thu khác	09		184.894.312.063	(58.060.734.370)
Biến động hàng tồn kho	10		(1.216.858.380.400)	(444.727.394.130)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		1.674.080.391.405	1.256.558.631.126
Biến động chi phí trả trước	12		43.029.826.617	46.907.773.104
Tiền lãi vay đã trả	13		(558.923.619.216)	(620.947.691.630)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(200.847.280.440)	(230.283.194.389)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		21.180.037.819	3.021.354.308
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(95.479.361.817)	(113.692.912.579)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.233.832.714.220	2.269.377.650.727
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(2.921.311.668.380)	(1.828.105.150.975)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		11.605.368.430	51.448.674.795
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(163.135.157.802)	(222.260.641.965)
Tiền thu hồi từ việc bán các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		-	1.600.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(1.500.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		116.266.905.518	356.306.160.000
Tiền thu lãi cho vay và lãi tiền gửi	27		100.056.500.126	66.064.545.910
Mua thêm cổ phần của các công ty con từ cổ đông thiểu số của các công ty con này	29		(395.947.200.000)	(83.221.860.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.252.465.252.108)	(1.659.668.272.235)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013****(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN/HN**

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông thiểu số	31		620.000.000	-
Tiền thu từ bán ra cổ phiếu quỹ	31		-	100.459.025.089
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		18.941.877.013.166	18.070.024.211.394
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(17.672.451.806.682)	(18.188.281.993.321)
Tiền trả cổ tức	36		(420.496.176.570)	(361.790.013.578)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		849.549.029.914	(379.588.770.416)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		830.916.492.026	230.120.608.076
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.294.493.700.487	1.064.384.090.542
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(87.801.816)	(10.998.131)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	2.125.322.390.697	1.294.493.700.487

Người lập:


Hoàng Thị Thanh Hương
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Lý Thị Ngân
Kế toán trưởngTrần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết. Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là:

- Cho thuê văn phòng;
- Đầu tư tài chính;
- Đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng, kỹ thuật khu công nghiệp và khu đô thị;
- Sản xuất hàng nội thất phục vụ văn phòng, gia đình và trường học;
- Sản xuất và chế biến gỗ;
- Sản xuất sản phẩm cơ khí (chủ yếu là máy móc xây dựng, bàn ghế và tủ văn phòng);
- Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị và phương tiện;
- Buôn bán ô tô, xe máy, thiết bị phụ tùng, ngành công nghiệp vận tải và khai thác mỏ và phương tiện vận tải;
- Sản xuất và kinh doanh các loại máy xây dựng và máy khai thác mỏ;
- Buôn bán đồ điện, điện tử, các thiết bị y tế và quang học;
- Sản xuất, kinh doanh, lắp ráp, lắp đặt, sửa chữa và bảo hành hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng và điều hòa không khí;
- Sản xuất và kinh doanh nguyên vật liệu và các sản phẩm nhựa plastic;
- Các hoạt động quảng cáo;
- Xây dựng công nghiệp và dân dụng;
- Khai thác cát, đá và sỏi;
- Sản xuất, kinh doanh và lắp ráp các sản phẩm nội thất và thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (không bao gồm tư vấn pháp luật);
- Sản xuất và mua bán kim loại màu các loại, phế liệu kim loại màu;
- Buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện và cán thép;
- Sản xuất cán kéo thép và sản xuất tôn lợp;
- Khai thác quặng kim loại;
- Mua bán kim loại, quặng kim loại và sắt thép phế liệu;
- Luyện gang thép, đúc gang và sắt, thép;
- Sản xuất ống thép không mạ và có mạ ống inox;
- Dịch vụ thể dục, thể thao (đào tạo, tổ chức thi đấu và chuyên giao vận động viên);
- Xây dựng, cho thuê sân tập và sân thi đấu thể thao; và
- Ủy thác xuất – nhập khẩu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các công ty con và công ty liên kết được thành lập tại Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12, Tập đoàn có các công ty con và công ty liên kết sau:

STT	Công ty con cấp 1	Hoạt động chính	Lợi ích và quyền biểu quyết của Tập đoàn	
			31/12/2013	31/12/2012
1	Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát	Sản xuất thiết bị xây dựng; kinh doanh thương mại máy móc và thiết bị xây dựng và khai thác khoáng sản loại nhỏ và vừa.	99,72%	99,72%
2	Công ty CP Nội thất Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh thương mại các sản phẩm nội thất.	99,60%	99,60%
3	Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	99,89%	99,86%
4	Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	Sản xuất và kinh doanh thương mại sản phẩm điện lạnh.	99,67%	99,67%
5	Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	Xây dựng dân dụng; xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà, văn phòng; đầu tư và xây dựng bộ hạ tầng kỹ thuật.	99,67%	99,67%
6	Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	Buôn bán và xuất nhập khẩu sắt thép các loại, vật liệu xây dựng, đồ nội thất, máy điều hòa, máy giặt, tủ lạnh.	99,00%	99,00%
7	Công ty CP Thép Hòa Phát	Sản xuất thép, gang, khai thác quặng sắt, khai thác và thu gom than non; bán buôn kim loại và quặng kim loại; và sản xuất, mua bán than cốc.	99,99%	85,00%
8	Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông	Thăm dò, khai thác, tuyển luyện, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản nói chung trong đó chủ yếu là quặng sắt.	99,96%	99,96%
9	Công ty CP Golden Gain Việt Nam	Kinh doanh bất động sản.	84,95%	84,95%
10	Công ty CP Năng lượng Hòa Phát	Sản xuất và bán buôn than cốc, khai thác và thu gom than cứng; sản xuất sản phẩm đầu mỏ tinh chế; bán buôn kim loại và quặng kim loại; và buôn bán than luyện cốc và than các loại.	99,89%	99,89%
11	Công ty TNHH Một thành viên Thép Hòa Phát	Sản xuất sắt, thép, gang; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	100%	100%
12	Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát	Khai thác và thu gom than non; khai thác quặng sắt, bô xít, các kim loại quý hiếm; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; sản xuất than cốc, thạch cao, vôi, kim loại màu và kim loại quý; đúc sắt thép và kim loại màu.	99,80%	99,80%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Lợi ích và
 quyền biểu quyết gián tiếp
 của Tập đoàn
 31/12/2013 31/12/2012

STT	Công ty con cấp 2	Hoạt động chính	100%	99,90%	99,62%	100%	99,86%	99,86%	100%	99,67%	100%	99,67%
	<i>Công ty con của Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát</i>											
1	Công ty TNHH Chế tạo Máy xây dựng và Khai thác mỏ Hòa Phát	Sản xuất, kinh doanh các loại máy xây dựng và khai thác mỏ; sản xuất động cơ, tua bin.	100%	99,90%	99,62%	100%	99,86%	99,86%	100%	99,67%	100%	99,67%
2	Công Ty TNHH Chế tạo cơ khí Hòa Phát	Sửa chữa và sản xuất các sản phẩm cơ khí; dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị, phương tiện.	100%	99,90%	99,62%	100%	99,86%	99,86%	100%	99,67%	100%	99,67%
	<i>Công ty con của Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát</i>											
3	Công ty TNHH Thép Cán nguội Hòa Phát	Sản xuất sản phẩm thép cán nguội.	100%	99,90%	99,62%	100%	99,86%	99,86%	100%	99,67%	100%	99,67%
4	Công ty TNHH Một thành viên Ống thép Hòa Phát Bình Dương	Sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép.	100%	99,90%	99,62%	100%	99,86%	99,86%	100%	99,67%	100%	99,67%
	<i>Công ty con của Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát</i>											
5	Công ty Quản lý Khai thác Khu công nghiệp Phố Nối A	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công nghiệp bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà xưởng, văn phòng, đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh nước sạch, thu gom rác thải, khai thác, xử lý và cung cấp nước và nhà hàng.	100%	99,90%	99,62%	100%	99,86%	99,86%	100%	99,67%	100%	99,67%
6	Công ty TNHH Quản lý Khai thác Khu công nghiệp Hòa Mạc	Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà xưởng, văn phòng, đầu tư và xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh nước sạch, thu gom rác thải, khai thác, xử lý và cung cấp nước.	100%	99,90%	99,62%	100%	99,86%	99,86%	100%	99,67%	100%	99,67%
	<i>Công ty con của Công ty CP Golden Gain Việt Nam</i>											
7	Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hà Nội	Hoạt động thể thao, giải trí, tennis, cầu lông, bida, bơi, thể dục thể hình, games, bóng đá.	94,96%	94,96%	94,96%	94,96%	94,96%	94,96%	94,96%	94,96%	94,96%	94,96%
8	Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Thương mại Hà Nội	Vận tải hàng hóa bằng ô tô, vận tải khách liên tỉnh bằng ô tô, sửa chữa máy móc, thiết bị, dịch vụ lễ hành nội địa, đại lý kinh doanh xăng dầu, dịch vụ đại lý vận tải và dịch vụ trông giữ xe ô tô, văn phòng, kho bãi và bất động sản.	99,57%	99,57%	99,57%	99,57%	99,57%	99,57%	99,57%	99,57%	99,57%	99,57%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

**Lợi ích và
quyền biểu quyết gián tiếp
của Tập đoàn**

STT	Công ty con cấp 2	Hoạt động chính	31/12/2013	31/12/2012
	<i>Công ty con của Công ty TNHH Một thành viên thép Hòa Phát</i>			
9	Công ty TNHH Một thành viên Hòa Phát Bình Định	Sản xuất sắt, thép, gang; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	100%	100%
	<i>Công ty con của Công ty con của Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát</i>			
10	Công ty CP Khoáng sản Hòa Yên	Khai thác và sản xuất quặng sắt, bô xít và các kim loại quý hiếm; bán buôn kim loại và quặng kim loại và bán buôn máy móc.	99,77%	99,57%
11	Công ty CP Khoáng sản Đức Long	Khai thác và sản xuất quặng sắt, bô xít và các kim loại quý hiếm; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	99,98%	99,75%
12	Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát Mitraco	Khai thác và sản xuất quặng sắt, bô xít và các kim loại quý hiếm; bán buôn kim loại và quặng kim loại.	63,50%	63,37%
13	Công Ty TNHH Đức Tiên	Tìm kiếm và thăm dò quặng đồng đỏ, vàng, bạc và các quặng cộng sinh.	-	99,80%

**Lợi ích và
quyền biểu quyết
của Tập đoàn**

STT	Công ty liên kết	Hoạt động chính	31/12/2013	31/12/2012
1	Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát – SSG	Khai thác và thu gom than non; khai thác quặng sắt không chứa sắt; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; và sản xuất than cốc, vôi, thạch cao.	38%	38%
2	Công ty CP Đầu tư Khai thác Khoáng Sản Yên Phú	Khai thác mỏ và quặng sắt; sản xuất than cốc; sản xuất sắt, thép, gang và khai thác và thu gom than non, than bùn và quặng bô xít.	50%	50%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn có 9.701 nhân viên (31/12/2012: 8.084 nhân viên).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

2.1 Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính.

2.2 Cơ sở đánh giá

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

3.1 Cơ sở hợp nhất

(a) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của công ty được mua được hợp nhất theo giá trị hợp lý. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm, được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị hợp lý, Tập đoàn sử dụng giá trị ghi sổ theo nguyên tắc giá gốc của các tài sản và công nợ thuần của công ty được mua dựa vào công văn hướng dẫn của Bộ Tài chính đối với Tập đoàn.

Các chi phí giao dịch phát sinh bởi Tập đoàn phát sinh liên quan đến hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến hợp nhất kinh doanh, như phí dịch vụ chuyên môn trả cho kế toán viên, chuyên gia tư vấn pháp lý, chuyên gia thẩm định giá và các chuyên gia tư vấn khác liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận không được tính vào chi phí hợp nhất kinh doanh, mà được ghi nhận là chi phí khi phát sinh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát này tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(c) Lợi ích của cổ đông thiểu số

Đối với những thay đổi về lợi ích sở hữu của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến thay đổi về kiểm soát, phần chênh lệch giữa giá mua hoặc tiền thu được do chuyển nhượng lợi ích và tỷ lệ giá trị ghi sổ của tài sản thuần mua được hoặc chuyển nhượng tại ngày giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

(d) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(e) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

3.2 Ngoại tệ

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản để hình thành tài sản cố định trong giai đoạn trước hoạt động của Công ty, thì được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi các công ty con bắt đầu hoạt động và tài sản cố định hữu hình hoàn thành đưa vào sử dụng. Khi các công ty con bắt đầu hoạt động và tài sản cố định hữu hình hoàn thành đưa vào sử dụng, các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái có liên quan kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái có liên quan được kết chuyển vào Tài khoản Chi phí trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

(b) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc năm kế toán. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

3.4 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

3.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

3.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm.

Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được sản xuất và để bán

Đối với thành phẩm và sản phẩm sản xuất dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí trực tiếp khác.

3.7 Tài sản cố định hữu hình

(a) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 12 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 10 năm
▪ tài sản cố định khác	3 – 10 năm

3.8 Tài sản cố định vô hình

(a) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Đối với quyền sử dụng đất với thời hạn xác định, khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 15 đến 46 năm. Khấu hao không được trích cho những quyền sử dụng đất với thời hạn không xác định.

(b) Phần mềm máy vi tính

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 2 đến 6 năm.

3.9 Bất động sản đầu tư

(a) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí xây dựng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 3 – 49 năm

3.10 Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

3.11 Chi phí trả trước dài hạn

(a) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(b) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(c) Chi phí đại tu, sửa chữa lớn

Chi phí đại tu, sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định năm trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian từ hai đến ba năm.

(d) Chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chưa thực hiện trong giai đoạn trước hoạt động của một số công ty con của Công ty được ghi nhận trên tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi các công ty con này bắt đầu đi vào hoạt động. Tại thời điểm đó, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái trước hoạt động được chuyển sang tài khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong năm năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(e) Chi phí thăm dò và đánh giá

Các hoạt động thăm dò và đánh giá liên quan đến việc tìm kiếm nguồn tài nguyên, xác định tính khả thi về kỹ thuật và đánh giá tính khả thi về thương mại của nguồn tài nguyên đã được xác định.

Chi phí thăm dò và đánh giá được vốn hóa cho đến khi Tập đoàn vẫn còn có quyền được hoạt động trong khu vực lợi ích và các hoạt động thăm dò chủ yếu trên khu vực lợi ích vẫn được tiếp tục và Tập đoàn có thể thu được lợi ích kinh tế từ các chi phí này. Chi phí thăm dò và đánh giá không thỏa mãn điều kiện trên sẽ được xóa sổ trong năm chi phí đó phát sinh, ngoại trừ trường hợp sau:

Tại thời điểm mà các thủ tục thăm dò và đánh giá được tiến hành đủ để xác định sự tồn tại của các nguồn tài nguyên mang tiềm năng kinh tế:

- Các chi phí thăm dò và đánh giá dự kiến thu lại được qua quá trình triển khai và khai thác hiệu quả trong khu vực được vốn hóa cho đến khi bắt đầu tiến hành các hoạt động kinh doanh và sau đó được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong suốt thời gian hoạt động của dự án.
- Các chi phí thăm dò và đánh giá liên quan tới các thủ tục thăm dò và đánh giá xác định rằng không tồn tại nguồn tài nguyên có trữ lượng có thể thu hồi lại hiệu quả kinh tế sẽ được xóa sổ.

(f) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(g) Chi phí giải phóng mặt bằng

Chi phí giải phóng mặt bằng phản ánh chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng do Tập đoàn chi trả. Các chi phí này được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

(h) Chi phí phát hành trái phiếu

Chi phí phát hành trái phiếu phản ánh chi phí phát sinh liên quan đến phát hành trái phiếu. Chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

(i) Chi phí xây và nâng cấp đường lên mỏ

Chi phí này bao gồm chi phí xây và nâng cấp đường lên mỏ được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 8 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

3.12 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Nếu giá trị hợp lý tài sản thuần Tập đoàn mua của các công ty con và các công ty liên kết vượt quá giá mua, thì phần vượt trội này được ghi nhận là lợi thế thương mại và phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 4 đến 10 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trong năm, Tập đoàn đã thay đổi thời gian phân bổ của lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua Công ty CP Golden Gain Việt Nam trong các năm trước từ 10 năm thành 4 năm để phản ánh chính xác hơn thời gian Tập đoàn thu lại được lợi ích kinh tế trong tương lai từ giao dịch mua này. Ảnh hưởng đến lợi thế thương mại phân bổ trong năm là làm tăng giá trị phân bổ thêm 148.338 triệu VND.

3.13 Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

3.14 Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

3.15 Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(a) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phát sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phát sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(b) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

3.17 Doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(b) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc năm kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) *Hợp đồng xây dựng*

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(d) *Doanh thu cho thuê*

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(e) *Doanh thu bán căn hộ*

Doanh thu bán căn hộ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm bán hoặc hoàn thành bàn giao bất động sản, tùy theo thời điểm nào muộn hơn.

3.18 Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Ưu đãi thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất như một phần của tổng chi phí thuê hoạt động.

3.19 Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

3.20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

3.21 Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông của Công ty, các công ty liên kết của Tập đoàn và các bên khác như được định nghĩa trong các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

4. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Sản xuất thép các loại: luyện gang thép, đúc gang, sắt, thép, buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện, cán thép, sản xuất thép công nghiệp, bao gồm thép tấm, thép cuộn cán nóng, thép cuộn cán nguội, thép ống hàn, phế liệu và phôi thép, sản xuất và kinh doanh thương mại ống thép, sản xuất máy rút thép sợi;
- Kinh doanh máy móc xây dựng: sản xuất thiết bị xây dựng và kinh doanh thương mại máy móc và thiết bị xây dựng, và khai thác khoáng sản loại nhỏ và vừa;
- Sản xuất đồ nội thất và sản phẩm điện lạnh: sản xuất và kinh doanh thương mại các sản phẩm nội thất và các sản phẩm điện lạnh;
- Bất động sản: xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê, cho thuê nhà, văn phòng, và đầu tư và xây dựng hạ tầng kỹ thuật; và
- Năng lượng và thăm dò khai thác khoáng sản: Thăm dò, khai thác, tuyển luyện, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản nói chung trong đó chủ yếu là quặng sắt, sản xuất và bán buôn than cốc, khai thác và thu gom than cứng, sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế, sản xuất, truyền tải, phân phối điện, bán buôn kim loại và quặng kim loại, và buôn bán than luyện cốc và than các loại.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Sản xuất và kinh doanh thép các loại VND	Kinh doanh máy móc xây dựng VND	Sản xuất đồ nội thất và sản phẩm điện lạnh VND	Bất động sản VND	Năng lượng và thăm dò khai thác khoáng sản VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013							
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	14.644.765.632.684	261.223.153.267	1.900.062.537.069	1.425.038.532.460	703.202.295.051	-	18.934.292.150.531
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	6.328.048.795.292	97.386.033.526	66.960.224.790	8.317.676.895	2.692.425.506.263	(9.193.138.236.766)	-
	20.972.814.427.976	358.609.186.793	1.967.022.761.859	1.433.356.209.355	3.395.627.801.314	(9.193.138.236.766)	18.934.292.150.531
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	2.655.988.753.812	47.266.481.354	314.532.590.352	301.866.652.851	632.243.154.264	(1.590.104.175.481)	2.361.793.457.152
Thu nhập khác	174.560.080.681	2.852.508.519	5.247.775.755	7.458.954.172	7.592.158.266	1.392.770.104	199.104.247.497
Chi phí khác	(153.029.986.572)	(374.319.496)	(1.752.890.351)	(4.223.262.806)	(6.856.852.178)	-	(166.237.311.403)
Phần chia lỗ của các công ty liên kết	-	-	-	-	-	(256.198.814)	(256.198.814)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(163.662.188.384)	(9.508.411.922)	(69.796.085.788)	(75.017.822.116)	(72.198.752.389)	-	(390.183.260.599)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	2.917.619.794	(207.799.306)	402.302.636	1.552.677.652	(281.290.948)	1.830.959.108	6.214.468.936
Lợi nhuận thuần sau thuế	2.516.774.279.331	40.028.459.149	248.633.692.604	231.637.199.753	560.498.417.015	(1.587.136.645.083)	2.010.435.402.769

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Sản xuất và kinh doanh thép các loại VND	Kinh doanh máy móc xây dựng VND	Sản xuất đồ nội thất và sản phẩm điện lạnh VND	Bất động sản VND	Năng lượng và thăm dò khai thác khoáng sản VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013							
Tài sản của bộ phận	21.861.336.872.015	267.428.224.910	1.387.681.607.248	3.616.561.415.557	4.527.137.556.499	(8.589.320.983.981)	23.070.824.692.248
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	5.553.170.441	-	-	-	-	-	5.553.170.441
Tổng tài sản	21.866.890.042.456	267.428.224.910	1.387.681.607.248	3.616.561.415.557	4.527.137.556.499	(8.589.320.983.981)	23.076.377.862.689
Nợ phải trả của bộ phận	9.026.844.532.326	52.479.312.594	700.837.451.721	2.667.016.740.032	2.159.942.758.354	(1.117.702.951.897)	13.489.417.843.130
Tổng nợ phải trả	9.026.844.532.326	52.479.312.594	700.837.451.721	2.667.016.740.032	2.159.942.758.354	(1.117.702.951.897)	13.489.417.843.130
Chi tiêu vốn	2.459.096.278.412	2.438.661.210	68.098.175.041	3.942.227.433	549.879.218.117	(9.631.363.196)	3.073.823.197.017
Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản thuê tài chính và bất động sản đầu tư	(410.080.404.315)	(14.338.508.601)	(64.970.494.673)	(10.797.693.677)	(220.289.582.640)	5.350.691.729	(715.125.992.177)
Khấu hao tài sản cố định vô hình	(2.118.649.141)	(902.333.448)	(2.126.275.028)	-	(231.126.873)	308.810.356	(5.069.574.134)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Sản xuất và kinh doanh thép các loại VND	Kinh doanh máy móc xây dựng VND	Sản xuất đồ nội thất và sản phẩm điện lạnh VND	Bất động sản VND	Năng lượng và thăm dò khai thác khoáng sản VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012							
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	13.209.200.217.416	240.731.985.407	1.736.495.943.515	447.425.123.385	1.192.998.623.261	-	16.826.851.892.984
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	6.147.123.638.135	50.980.760.137	114.555.229.689	7.067.553.532	2.077.511.267.928	(8.397.238.449.421)	-
	19.356.323.855.551	291.712.745.544	1.851.051.173.204	454.492.676.917	3.270.509.891.189	(8.397.238.449.421)	16.826.851.892.984
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận	1.288.929.557.607	24.879.678.480	216.664.888.253	146.082.675.511	188.115.471.516	(660.868.893.479)	1.203.803.377.888
Thu nhập khác	138.894.728.571	28.569.705.141	45.363.328.372	7.050.443.276	14.376.897.799	(23.982.803.135)	210.272.300.024
Chi phí khác	(135.337.510.217)	(14.563.932.660)	(29.903.014.388)	(4.350.075.301)	(13.616.480.002)	2.441.973.472	(195.329.039.096)
Phần lỗ của công ty liên kết	-	-	-	-	-	(541.298.162)	(541.298.162)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(65.498.001.679)	(5.215.024.821)	(49.777.174.206)	(31.423.660.394)	(16.368.214.377)	-	(168.282.075.477)
Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	(17.779.578.681)	(1.782.210.577)	(1.984.445.803)	(574.988.532)	3.542.223.938	(838.836.005)	(19.417.835.660)
	1.209.209.195.601	31.888.215.563	180.363.582.228	116.784.394.560	176.049.898.874	(683.789.857.309)	1.030.505.429.517

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Sản xuất và kinh doanh thép các loại VND	Kinh doanh máy móc xây dựng VND	Sản xuất đồ nội thất và sản phẩm điện lạnh VND	Bất động sản VND	Năng lượng và thăm dò khai thác khoáng sản VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận Khoản đầu tư vào công ty liên kết	17.563.949.492.469 5.809.369.254	328.480.484.003 -	1.176.468.555.095 -	3.380.847.120.331 -	3.892.550.239.550 -	(7.332.341.799.156) -	19.009.954.092.292 5.809.369.254
Tổng tài sản	17.569.758.861.723	328.480.484.003	1.176.468.555.095	3.380.847.120.331	3.892.550.239.550	(7.332.341.799.156)	19.015.763.461.546
Nợ phải trả của bộ phận	6.679.932.965.016	118.385.543.645	644.768.856.790	2.491.841.349.686	1.938.074.925.012	(1.434.797.723.753)	10.438.205.916.396
Tổng nợ phải trả	6.679.932.965.016	118.385.543.645	644.768.856.790	2.491.841.349.686	1.938.074.925.012	(1.434.797.723.753)	10.438.205.916.396
Chi tiêu vốn	1.505.513.671.464	5.326.545.521	76.713.718.648	70.811.890.700	174.875.045.518	(5.135.720.877)	1.828.105.150.975
Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản thuê tài chính và bất động sản đầu tư	(356.096.894.345)	(16.644.612.562)	(62.285.055.498)	(8.491.224.097)	(156.020.000.178)	4.377.537.488	(595.160.249.191)
Khấu hao tài sản cố định vô hình	(1.937.874.081)	(942.567.648)	(1.898.414.000)	-	(224.978.729)	299.651.181	(4.704.183.277)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

5. Hợp nhất kinh doanh

Ngày 30 tháng 9 năm 2013, Tập đoàn đã nhận chuyển nhượng thêm 11,99% vốn cổ phần và quyền kiểm soát tương ứng của Công ty CP Thép Hòa Phát, một công ty con của Tập đoàn. Theo đó, lợi ích vốn cổ phần và quyền kiểm soát của Tập đoàn tại công ty con này tăng lên từ 88% (*) thành 99,99%.

(*) Trước khi nhận phần chuyển nhượng nêu trên, Tập đoàn đã tăng tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần của công ty con này từ 85% lên 88% thông qua việc góp vốn cổ phần trong năm.

Việc mua thêm cổ phần có ảnh hưởng tới tài sản và công nợ của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua thêm cổ phần của Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát VND
Tài sản ngắn hạn	2.840.192.759.420
Tài sản cố định (giá trị ghi sổ)	4.853.027.327.662
Tài sản dài hạn khác	81.605.195.281
Nợ ngắn hạn	(2.741.144.540.852)
Vay dài hạn	(1.429.053.523.285)
	<hr/>
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	3.604.627.218.226
	<hr/>
Phần tăng thêm trong giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua	432.497.592.151
	<hr/>
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua thêm cổ phần của công ty con	(36.550.392.151)
	<hr/>
Giá phí hợp nhất kinh doanh	395.947.200.000
	<hr/>

Căn cứ vào Công văn hướng dẫn của Bộ Tài chính đối với Tập đoàn, trong trường hợp Tập đoàn không thể xác định được một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của các công ty mua lại được, Tập đoàn sử dụng giá trị ghi sổ của các tài sản và công nợ thuần của các công ty được mua lại để xác định lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền mặt	4.268.531.258	7.290.746.319
Tiền gửi ngân hàng	278.483.558.353	160.931.606.040
Tiền đang chuyển	11.026.058	3.045.651.687
Các khoản tương đương tiền	1.842.559.275.028	1.123.225.696.441
	<hr/>	<hr/>
	2.125.322.390.697	1.294.493.700.487
	<hr/>	<hr/>

7. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Phải thu ngắn hạn khác gồm:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền tạm ứng đền bù giải phóng mặt bằng	8.433.878.502	8.201.388.502
Lãi vay phải thu	11.299.623.837	6.780.609.597
Vật tư mang đi gia công	1.110.597.665	920.717.401
Phải thu khác (*)	13.934.886.765	276.826.305.571
	<hr/>	<hr/>
	34.778.986.769	292.729.021.071
	<hr/>	<hr/>

(*) Bao gồm trong các khoản phải thu ngắn hạn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có 264.000 triệu VND là giá trị nhận chuyển nhượng cổ phần của một công ty con của Tập đoàn từ một cổ đông của công ty con này. Trong năm 2013, Tập đoàn đã thu được toàn bộ số tiền này.

Phải thu dài hạn khác gồm:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Khoản ủy thác đầu tư (**)	448.979.590.000	448.979.590.000
Phải thu khác	779.648.679	-
	<hr/>	<hr/>
	449.759.238.679	448.979.590.000
	<hr/>	<hr/>

(**) Khoản nhận ủy thác đầu tư phản ánh số tiền Tập đoàn đầu tư vào Công ty CP Phát triển Đô thị Vinaconex-Viettel do sự ủy thác của Công ty CP Bất động sản Hòa Phát Á Châu. Trách nhiệm, rủi ro, tổn thất cũng như mức sinh lời của khoản đầu tư này thuộc về Công ty CP Bất động sản Hòa Phát Á Châu. Số tiền này tương ứng với số tiền nhận ủy thác đầu tư đang được phản ánh trên khoản mục phải trả dài hạn khác (Thuyết minh 21).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

8. Hàng tồn kho

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	886.720.639.117	721.681.193.928
Nguyên vật liệu	2.383.614.274.577	1.440.630.638.196
Công cụ và dụng cụ	250.397.310.728	194.695.141.551
Sản phẩm dở dang	2.724.837.093.296	2.837.866.560.636
Thành phẩm	1.760.046.969.711	1.596.687.095.873
Hàng hóa	55.818.315.348	53.548.434.481
Hàng gửi đi bán	3.420.286.674	2.887.444.386
	<hr/>	<hr/>
	8.064.854.889.451	6.847.996.509.051
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(35.279.600.260)	(25.919.270.311)
	<hr/>	<hr/>
	8.029.575.289.191	6.822.077.238.740

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 3.151.854 triệu VND (31/12/2012: 1.726.232 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có 137.251 triệu VND giá trị hàng thành phẩm (31/12/2012: 90.085 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

9. Thuế và các khoản khác phải thu Ngân sách Nhà nước

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	14.086.226.322	14.567.433.831
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp Ngân sách Nhà nước cho khoản ứng trước từ khách hàng mua căn hộ	19.975.680.534	17.348.307.138
Các khoản khác phải thu Ngân sách Nhà nước	82.722.934	497.699.445
	<hr/>	<hr/>
	34.144.629.790	32.413.440.414

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Dụng cụ văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	1.700.374.671.936	26.709.863.664	4.522.170.700.065	277.416.748.034	3.276.394.568	6.529.948.378.267
Tăng trong năm	19.584.753.617	3.271.461.283	52.464.482.945	23.528.663.665	-	98.849.361.510
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	628.032.928.378	680.475.681	4.546.642.287.516	31.835.085.115	-	5.207.190.776.690
Thanh lý một công ty con cấp 2	(3.710.182.000)	(27.465.146)	(2.760.825.000)	-	-	(6.498.472.146)
Thanh lý và xóa sổ	(1.814.271.939)	(566.717.764)	(13.304.201.710)	(16.171.138.298)	-	(31.856.329.711)
Phân loại lại (*)	(582.705.600)	(6.513.276.665)	(34.814.524.704)	(508.290.391)	(70.476.190)	(42.489.273.550)
Biến động khác	(178.462.214)	(726.018.911)	(3.802.214.841)	52.715.946	(2.577.475.716)	(7.231.455.736)
Số dư cuối năm	2.341.706.732.178	22.828.322.142	9.066.595.704.271	316.153.784.071	628.442.662	11.747.912.985.324
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	355.159.198.420	16.007.842.508	1.734.039.330.101	125.940.075.411	3.034.336.977	2.234.180.783.417
Khấu hao trong năm	138.238.743.284	3.953.106.188	533.993.101.025	34.265.299.121	158.971.238	710.609.220.856
Thanh lý một công ty con cấp 2	(896.173.802)	-	(2.235.497.723)	-	-	(3.131.671.525)
Thanh lý và xóa sổ	(1.280.148.872)	(505.971.158)	(5.637.447.543)	(10.718.488.840)	-	(18.142.056.413)
Phân loại lại (*)	(628.291.600)	(4.814.333.234)	(29.462.981.356)	(253.448.550)	(70.476.190)	(35.229.530.930)
Biến động khác	129.959.067	(673.662.291)	(1.795.623.255)	(36.384.029)	(2.494.389.363)	(4.870.099.871)
Số dư cuối năm	490.723.286.497	13.966.982.013	2.228.900.881.249	149.197.053.113	628.442.662	2.883.416.645.534
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	1.345.215.473.516	10.702.021.156	2.788.131.369.964	151.476.672.623	242.057.591	4.295.767.594.850
Số dư cuối năm	1.850.983.445.681	8.861.340.129	6.837.694.823.022	166.956.730.958	-	8.864.496.339.790

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có các tài sản với nguyên giá 787.029 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 561.513 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 6.967.473 triệu VND (31/12/2012: 3.068.910 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

- (*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có nguyên giá không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn và Chi phí trả trước ngắn hạn trong năm.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	184.285.115.653	2.644.303.901	1.367.576.332	188.296.995.886
Tăng trong năm	26.000.000.000	662.977.540	-	26.662.977.540
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.267.660.800	-	-	1.267.660.800
Thanh lý và xóa sổ	-	(16.055.000)	-	(16.055.000)
Phân loại lại (*)	-	(294.479.586)	-	(294.479.586)
Số dư cuối năm	211.552.776.453	2.996.746.855	1.367.576.332	215.917.099.640
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	19.654.677.272	1.549.200.334	875.783.630	22.079.661.236
Khấu hao trong năm	4.250.963.046	617.747.692	200.863.396	5.069.574.134
Thanh lý và xóa sổ	-	(16.055.000)	-	(16.055.000)
Phân loại lại (*)	-	(279.695.833)	-	(279.695.833)
Số dư cuối năm	23.905.640.318	1.871.197.193	1.076.647.026	26.853.484.537
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	164.630.438.381	1.095.103.567	491.792.702	166.217.334.650
Số dư cuối năm	187.647.136.135	1.125.549.662	290.929.306	189.063.615.103

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 96.265 triệu VND (31/12/2012: 68.955 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

- (*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có nguyên giá không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn và Chi phí trả trước ngắn hạn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	2.545.104.717.735	1.354.316.650.072
Tăng trong năm	2.948.310.857.967	1.524.586.904.146
Thanh lý một công ty con cấp 1	-	(675.421.490)
Thanh lý một công ty con cấp 2	(104.523.432.005)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.207.190.776.690)	(219.180.090.759)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.267.660.800)	(22.486.759.346)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(58.960.334.604)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(30.392.219.720)	(8.851.100.428)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(8.824.912.067)	(334.536.103)
Chuyển sang hàng tồn kho	(5.282.408.650)	-
Thanh lý	-	(23.732.892.826)
Biến động khác	(2.363.596.351)	422.299.073
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	133.570.569.419	2.545.104.717.735

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí mở rộng nhà máy phôi	44.999.800.849	-
Dự án mở rộng phân xưởng khuôn mẫu và nhà máy sản xuất ghế xoay	44.753.315.330	-
Nhà máy điện - Giai đoạn II	-	404.131.469.719
Nhà máy Coke - Giai đoạn II	-	690.186.392.879
Khu liên hợp gang thép Hòa Phát - Giai đoạn II	-	1.061.656.962.228
Mỏ Đức Tiên	-	92.222.081.327
Hệ thống lò nung và nghiền phun than	-	71.084.748.112
Nhà máy Bình Vàng	-	20.431.308.120
Các dự án khác	43.817.453.240	205.391.755.350
	<hr/>	<hr/>
	133.570.569.419	2.545.104.717.735

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương với 152.512 triệu VND (2012: 54.390 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

13. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	88.066.912.353
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	21.547.846.268
Khấu hao trong năm	4.516.771.321
Số dư cuối năm	26.064.617.589
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	66.519.066.085
Số dư cuối năm	62.002.294.764

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn là đất và nhà xưởng cho thuê tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam và một số tầng cho thuê của tòa nhà tại 257 Giải Phóng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý cho loại bất động sản đầu tư này.

14. Các khoản đầu tư tài chính

14.1. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền gửi có kỳ hạn	387.793.671.402	219.951.513.600

14.2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết (*)	5.553.170.441	5.809.369.255
Các khoản đầu tư dài hạn khác (**)	15.702.128.365	20.409.128.365
	21.255.298.806	26.218.497.620

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(*) Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty CP Đầu tư và Khai thác Khoáng sản Yên Phú	1.470.784.883	1.500.000.000
Công ty CP Khai khoáng Hòa Phát – SSG	4.082.385.558	4.309.369.255
	<hr/>	<hr/>
	5.553.170.441	5.809.369.255
	<hr/>	<hr/>

Chi tiết biến động khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	5.809.369.255	183.056.336.459
Tăng trong năm	-	1.500.000.000
Phần lỗ từ các công ty liên kết	(256.198.814)	(541.298.162)
Giảm do thanh lý một công ty liên kết	-	(177.522.561.718)
Giảm khác	-	(683.107.324)
	<hr/>	<hr/>
	5.553.170.441	5.809.369.255
	<hr/>	<hr/>

(**) Chi tiết khoản đầu tư dài hạn khác như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Công ty CP Bia và Nước giải khát Việt Hà (***)	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty CP Phát triển Đô thị Bắc Hà Nội (***)	700.000.000	700.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Dương (****)	-	2.400.000.000
Các khoản đầu tư khác	2.128.365	2.309.128.365
	<hr/>	<hr/>
	15.702.128.365	20.409.128.365
	<hr/>	<hr/>

(***) Đây là các khoản đầu tư vốn dài hạn với tỷ lệ vốn góp thực tế dưới 20%.

(****) Đây là khoản cho vay không được đảm bảo, chịu lãi suất cố định là 1% một năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trước hoạt động VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí đại tu, sửa chữa lớn VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Chi phí thâm dò và đánh giá VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Chi phí phát hành trái phiếu VND	Chi phí xây và nâng cấp đường lên mỏ VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	6.008.458.928	38.347.260.521	2.320.599.767	22.227.718.177	47.389.000.881	59.888.316.321	41.952.428.261	1.175.474.764	58.701.078.187	49.666.350.501	327.676.686.308
Tăng trong năm	286.467.008	67.878.779.900	3.246.667.872	-	8.000.000	-	1.001.511.059	-	2.774.183.453	6.689.873.214	81.885.482.506
Chuyển từ xây dựng cơ bản	-	6.218.456.803	-	-	-	-	738.735.901	-	19.444.220.316	3.990.806.700	30.392.219.720
Đờ dăng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	90.714.326	2.953.118.559
Phân loại từ Tài sản cố định (*)	-	2.862.404.233	-	-	-	-	-	-	-	-	(39.447.919)
Xóa sổ	-	(39.447.919)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân bổ	(5.478.439.017)	(55.205.664.757)	(1.631.908.486)	(7.255.696.431)	(2.916.733.843)	(3.905.806.577)	(1.840.460.727)	(1.175.474.764)	(8.068.608.816)	(28.960.732.668)	(116.439.526.086)
trong năm	-	9.800.849.281	-	-	-	-	-	-	-	(9.800.849.281)	-
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	816.486.919	69.862.638.062	3.935.359.153	14.972.021.746	44.480.267.038	55.982.509.744	41.852.214.494	-	72.850.873.140	21.676.162.792	326.428.533.088

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, một số chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ là 38.955 triệu VND (31/12/2012: 40.014 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

(*) Việc phân loại lại từ tài sản cố định phản ánh giá trị còn lại của các tài sản hiện có nguyên giá không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định, là tiêu chuẩn có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên, theo quy định tại Điều 3 Thông tư 45. Các tài sản này được phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình và vô hình trong năm (Thuyết minh 10 và 11). Giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính còn lại nhưng không quá ba năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí phải trả	11.110.638.686	9.110.679.876
Lợi nhuận chưa thực hiện phát sinh từ bán hàng tồn kho và tài sản cố định giữa các công ty trong Tập đoàn	43.114.983.133	37.933.449.536
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	119.184.039	944.079.110
	<hr/>	<hr/>
	54.344.805.858	47.988.208.522
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

17. Lợi thế thương mại

Giá gốc	Số dư đầu năm	Số dư cuối năm	Lợi thế thương mại										Tổng VND				
			Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông VND	Công ty CP Năng lượng Hòa Phát VND	Công ty CP Golden Gain Việt Nam VND	Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát VND	Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Ha Nội (*) VND	Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Ha Nội (*) VND	Công ty TNHH Bao bì Việt (**) VND	Công ty CP Khoáng sản Đức Long (***) VND	Công ty CP Khoáng sản Hòa Yên (***) VND	Công ty TNHH Đức Tiên (***) VND					
Thanh lý một công ty con cấp 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(5.787.962.619)	(5.787.962.619)
Số dư cuối năm	350.232.527.609	206.244.396.684	355.059.967.828	34.014.618.203	74.526.572.949	89.496.114.296	29.824.917.043	88.314.041.292	2.783.778.959	5.787.962.619	1.236.284.897.482						
Giá trị phân bổ lũy kế																	
Số dư đầu năm	125.499.988.264	53.279.802.476	94.613.880.817	5.493.761.115	31.227.656.241	21.225.665.458	18.392.032.184	32.490.816.564	440.765.002	1.543.456.697	384.207.824.818						
Phân bổ trong năm	35.023.252.757	20.624.439.668	183.844.296.714	3.401.461.820	7.483.024.675	9.524.404.637	5.964.983.409	8.831.404.128	278.377.896	48.233.022	275.023.878.726						
Thanh lý một công ty con cấp 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(1.591.689.719)						
Biên động khác	-	-	-	-	(1.599.231.341)	1.599.231.341	-	-	-	-	-						
Số dư cuối năm	160.523.241.021	73.904.242.144	278.458.177.531	8.895.222.935	37.111.449.575	32.349.301.436	24.357.015.593	41.322.220.692	719.142.898	-	657.640.013.825						
Giá trị ghi số																	
Số dư đầu năm	224.732.539.345	152.964.594.208	260.446.087.011	28.520.857.088	43.298.916.708	68.270.448.838	11.432.884.859	55.823.224.728	2.343.013.957	4.244.505.922	852.077.072.664						
Số dư cuối năm	189.709.286.588	132.340.154.540	76.601.790.297	25.119.395.268	37.415.123.374	57.146.812.860	5.467.901.450	46.991.820.600	2.064.636.061	-	572.856.921.038						

(*) Đây là các công ty con của Công ty CP Golden Gain Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, đây là các công ty con của Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát.

(**) Đây là công ty con của Công ty TNHH Thiết bị Phụ Tùng Hòa Phát.

(***) Đây là các công ty con của Công ty CP Khoáng sản Hòa Phát.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

18. Vay ngắn hạn

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	5.523.878.392.658	4.421.192.510.273
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 23)	219.681.425.090	429.056.378.363
	<hr/>	<hr/>
	5.743.559.817.748	4.850.248.888.636
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Trong số dư vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là các khoản vay bằng VND và USD với giá trị tương ứng là 4.812.292 triệu VND và 711.587 triệu VND (31/12/2012: 2.952.060 triệu VND và 1.469.132 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay bằng VND và các khoản vay bằng USD giá trị ghi sổ tương ứng là 4.486.590 triệu VND và 399.663 triệu VND (31/12/2012: 1.651.050 triệu VND và 961.392 triệu VND) được bảo đảm bằng một số hàng tồn kho, các khoản phải thu khách hàng và tài sản cố định của Tập đoàn và một số cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“cổ phiếu HPG”) thuộc sở hữu của một số thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty. Các khoản vay ngắn hạn còn lại không được bảo đảm.

Các khoản vay bằng VND và USD chịu lãi suất tương ứng từ 4% đến 9,5% (2012: 4% đến 17%) một năm và từ 1,6% đến 6% (2012: 3% đến 7%) một năm.

19. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	31.168.739.243	63.038.488.570
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.150.007.216	1.944.505.846
Thuế xuất nhập khẩu	41.473.189	3.683.487.535
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	315.239.777.566	124.017.842.930
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính trên tiền nhận được từ khách hàng theo tiến độ thanh toán	3.769.734.413	2.897.134.787
Thuế thu nhập cá nhân	821.584.289	911.925.456
Thuế tài nguyên	8.667.249.873	5.347.434.394
Thuế nhà đất	11.313.731.067	4.070.550.435
Các loại thuế khác	14.680.799.603	4.021.367.507
	<hr/>	<hr/>
	387.853.096.459	209.932.737.460
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

20. Chi phí phải trả

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Chi phí phải trả cho nhà thầu	240.573.720.111	200.946.259.441
Chi phí lãi vay	24.902.187.906	49.133.268.178
Trích trước chi phí xây dựng Khu công nghiệp Hòa Mạc	18.252.745.742	12.015.766.307
Trích trước chi phí xây dựng Khu công nghiệp Phố Nối A	22.383.303.206	22.383.303.206
Tiền điện	9.180.712.054	7.028.807.646
Phí dịch vụ	1.363.626.166	181.870.000
Chi phí khuyến mại	17.090.615.414	23.554.892.096
Chi phí bảo lãnh	1.903.451.185	4.112.803.561
Lương và thưởng	2.117.875.473	2.362.252.166
Phí vận chuyển	3.065.411.255	-
Chi phí phải trả khác	4.613.981.700	11.085.335.732
	<hr/>	<hr/>
	345.447.630.212	332.804.558.333
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

21. Phải trả khác

Phải trả ngắn hạn khác gồm:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Doanh thu chưa thực hiện	74.709.180	4.546.262.597
Hàng tạm nhập	24.923.444.550	17.298.357.276
Phải trả Công ty TNHH RHI Retractories Asia-Pacific PTE	11.983.252.776	12.770.664.171
Phải trả Công ty CP Golden Gain Enterprises	3.756.425.917	11.864.540.153
Cổ tức phải trả	29.507.020.000	746.511.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	24.861.007.010	17.647.236.019
Chiết khấu thương mại	26.375.446.235	9.559.659.369
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	2.819.340.463	1.862.326.208
Chi phí lãi vay phải trả	1.749.650.241	12.982.810.722
Tiền nhận được từ khách hàng theo tiến độ thanh toán (*)	1.881.758.028.828	-
Các khoản phải trả khác	38.013.958.722	16.516.404.161
	<hr/>	<hr/>
	2.045.822.283.922	105.794.771.676
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(*) Đây là khoản tiền nhận được từ các khách hàng, không bao gồm thuế giá trị gia tăng, để mua căn hộ chung cư theo tiến độ thanh toán.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Phải trả dài hạn khác gồm:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền nhận được từ khách hàng theo tiến độ thanh toán	-	1.146.772.731.369
Khoản nhận ủy thác đầu tư (**)	448.979.590.000	448.979.590.000
Các khoản phải trả khác	65.951.101.650	24.735.548.102
	<hr/>	<hr/>
	514.930.691.650	1.620.487.869.471
	<hr/>	<hr/>

(**) Khoản nhận ủy thác đầu tư phản ánh số tiền Tập đoàn nhận ủy thác đầu tư từ Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phát Á Châu để đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Vinaconex-Viettel (Thuyết minh 7).

22. Dự phòng

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

	Chi phí bảo hành
	VND
Số dư đầu năm	11.211.707.436
Dự phòng lập trong năm	6.535.902.055
Dự phòng sử dụng trong năm	(2.393.111.155)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.141.825.180)
	<hr/>
Số dư cuối năm	13.212.673.156
	<hr/>

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thông kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương ứng.

23. Vay dài hạn

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Vay dài hạn (a)	2.051.505.031.426	1.684.764.924.203
Trái phiếu dài hạn (b)	-	200.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	2.051.505.031.426	1.884.764.924.203
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 18)	(219.681.425.090)	(429.056.378.363)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	1.831.823.606.336	1.455.708.545.840
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư là như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (a)	VND	Thả nổi	2020	714.021.685.457	362.063.874.010
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (a)	VND	9,6%	2026	255.561.278.592	271.209.278.592
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (a)	USD	Thả nổi	2014	16.447.082.225	146.432.953.664
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (a)	VND/ USD	Thả nổi	2015	10.000.000.000	63.297.250.000
Ngân hàng Indovina (a)	VND/ USD	Thả nổi	2014	56.505.291.803	112.874.304.652
Ngân hàng HSBC (a)	VND/ USD	Thả nổi	2013	-	10.069.051.878
Ngân hàng ANZ (a)	VND/ USD	Thả nổi	2016	181.674.830.721	262.419.199.649
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (a)	VND	Thả nổi	2017	367.294.862.628	297.399.011.758
Vay từ một cá nhân (b)	VND	12%	2015	450.000.000.000	159.000.000.000
Trái phiếu dài hạn (c)	VND	Thả nổi	2013	-	200.000.000.000
				<hr/>	<hr/>
				2.051.505.031.426	1.884.764.924.203

- (a) Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được đảm bảo bằng một số hàng tồn kho, tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn của Tập đoàn. Ngoài ra, các khoản vay dài hạn này còn được đảm bảo bằng một số cổ phiếu HPG, quyền sử dụng đất và một số tài sản đã hình thành hoặc hình thành trong tương lai của một công ty con, một bất động sản của một thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty, và quyền khai thác mỏ của một công ty con và toàn bộ máy móc thiết bị và nhà xưởng trong tương lai của các mỏ này.
- (b) Khoản vay từ một cá nhân, là một bên liên quan không được đảm bảo.
- (c) Trái phiếu được hưởng lãi suất 14,5%/năm cho năm đầu tiên kể từ ngày 21 tháng 7 năm 2010 và được hưởng lãi suất bằng tổng các mức lãi suất tham khảo (số trung bình của 4 mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau công bố tại các Sở Giao dịch tại Hà Nội của 4 ngân hàng (Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) tại Ngày Ấn định Lãi suất hàng năm cộng thêm 3,5%/năm. Trái phiếu dài hạn này đã được hoàn trả trong năm 2013.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	3.178.497.600.000	2.257.862.350.000	313.613.480.000	(150.970.558.021)	5.594.607.014	269.337.278.874	1.539.869.803.156	7.413.804.561.023
Vốn cổ phần tăng trong năm	313.613.480.000	-	(313.613.480.000)	-	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ bán trong năm	-	(50.511.532.932)	-	150.970.558.021	-	-	-	100.459.025.089
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	994.024.322.436	994.024.322.436
Phân bổ vào các quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	30.471.197.332	(30.471.197.332)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(60.973.138.627)	(60.973.138.627)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(9.130.386.122)	-	(9.130.386.122)
Trả cổ tức	698.414.250.000	-	-	-	-	-	(1.047.625.358.000)	(349.211.108.000)
Thù lao thành viên Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	-	-	(2.646.000.000)	(2.646.000.000)
Biên động khác	-	-	-	-	(1.173.375.909)	(563.784.388)	544.999.307	(1.192.160.990)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	4.190.525.330.000	2.207.350.817.068	-	-	4.421.231.105	290.114.305.696	1.392.723.430.940	8.085.135.114.809
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	1.954.187.537.863	1.954.187.537.863
Phân bổ vào các quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	169.215.674.105	(169.215.674.105)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(114.372.976.377)	(114.372.976.377)
Trả cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	-	-	-	(419.052.533.000)	(419.052.533.000)
Thù lao thành viên Ban Kiểm soát và Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	-	(2.556.000.000)	(2.556.000.000)
Biên động khác	-	-	-	-	(4.421.231.105)	(249.782.323)	1.657.124.550	(3.013.888.878)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	4.190.525.330.000	2.207.350.817.068	-	-	-	459.080.197.478	2.643.370.909.871	9.500.327.254.417

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

25. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	419.052.533	4.190.525.330.000	419.052.533	4.190.525.330.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	419.052.533	4.190.525.330.000	419.052.533	4.190.525.330.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	419.052.533	4.190.525.330.000	419.052.533	4.190.525.330.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động của số cổ phiếu đang lưu hành trong năm như sau:

	2013		2012	
	Số cổ phiếu	VND (Tại mệnh giá)	Số cổ phiếu	VND (Tại mệnh giá)
Số dư đầu năm	419.052.533	4.190.525.330.000	313.618.830	3.136.188.300.000
Vốn cổ phần phát hành trong năm	-	-	101.202.773	1.012.027.730.000
Cổ phiếu quỹ bán ra	-	-	4.230.930	42.309.300.000
Số dư cuối năm	419.052.533	4.190.525.330.000	419.052.533	4.190.525.330.000

26. **Cổ tức**

Trong năm, Công ty đã hoàn tất việc chi trả cổ tức đợt 2 năm 2012 cho các cổ đông bằng tiền với tỷ lệ bằng 10% mệnh giá cổ phiếu, tương đương với 419.053 triệu VND, theo Nghị quyết số 13/NQHP-2013 ngày 21 tháng 8 năm 2013 của Hội đồng Quản trị của Công ty.

27. **Quỹ dự phòng tài chính**

Hàng năm Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát và các công ty con sẽ trích lập quỹ dự phòng từ lợi nhuận sau thuế với mức trích lập không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và được trích cho đến khi Quỹ dự phòng bằng 10% vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

28. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu thuần gồm:

	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	17.564.294.359.178	16.544.777.846.020
▪ Cung cấp dịch vụ	264.267.154.127	137.763.116.377
▪ Doanh thu cho thuê đất	72.593.851.920	64.847.616.600
▪ Hợp đồng xây dựng	-	1.559.667.271
▪ Doanh thu bán bất động sản	1.299.078.812.857	373.125.679.999
	<hr/> 19.200.234.178.082	<hr/> 17.122.073.926.267
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	200.412.506.403	180.653.811.626
▪ Giảm giá hàng bán	767.780.830	186.823.682
▪ Hàng bán bị trả lại	38.932.293.233	67.450.890.997
▪ Thuế tiêu thụ đặc biệt	18.646.201.132	15.920.662.537
▪ Thuế xuất khẩu	7.183.245.953	31.009.844.441
	<hr/> 265.942.027.551	<hr/> 295.222.033.283
Doanh thu thuần	<hr/> <hr/> 18.934.292.150.531	<hr/> <hr/> 16.826.851.892.984

29. Giá vốn hàng bán

	2013 VND	2012 VND
Thành phẩm đã bán	8.473.421.172.978	13.188.489.538.270
Hàng hoá đã bán	5.924.836.990.217	899.851.855.533
Dịch vụ đã cung ứng	188.878.344.199	26.143.183.678
Giá vốn của đất cho thuê	35.183.000.651	15.779.228.922
Hợp đồng xây dựng	-	1.447.778.044
Giá vốn của bất động sản đã bán	1.018.860.798.210	260.346.416.138
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	9.360.329.949	(50.415.434.091)
	<hr/> 15.650.540.636.204	<hr/> 14.341.642.566.494

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2013 VND	2012 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	104.575.514.366	69.159.064.148
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	28.502.845.950	32.327.219.920
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	297.821.748	1.360.532.817
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	-	61.093.160.000
Lãi thanh lý một công ty con cấp 2 (*)	142.728.081.604	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	174.355.325	684.635.296
	<hr/>	<hr/>
	276.278.618.993	164.624.612.181
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(*) Tại ngày 31 tháng 1 năm 2013, Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn đã thanh lý phần vốn cổ phần của công ty này trong Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đức Tiên (“Công ty TNHH Đức Tiên”).

Việc thanh lý này đã có ảnh hưởng tới tài sản và công nợ của Tập đoàn tại ngày thanh lý như sau:

	Giá trị ghi nhận tại thời điểm bán Công ty TNHH Đức Tiên VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.803.344.502
Tài sản ngắn hạn khác	7.415.711.034
Tài sản cố định (giá trị còn lại)	3.388.157.715
Xây dựng cơ bản dở dang	104.523.432.005
	<hr/>
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	124.130.645.256
	<hr/>
Phần sở hữu bởi Tập đoàn trong giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày thanh lý	124.130.645.256
Giá trị còn lại của lợi thế thương mại phát sinh trước đó từ việc mua công ty con cấp 2 này tại ngày thanh lý	4.196.272.900
	<hr/>
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty con cấp 2 tại ngày thanh lý	128.326.918.156
	<hr/>
Tiền thu được từ thanh lý	
Tiền tạm ứng nhận từ bên mua trong năm 2012	145.984.749.740
Tiền nhận được từ bên mua trong năm	125.070.250.020
	<hr/>
Lãi từ việc thanh lý	142.728.081.604
	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

31. Chi phí tài chính

	2013 VND	2012 VND
Chi phí lãi vay	370.947.849.826	526.970.967.624
Chiết khấu thanh toán	10.991.021.005	10.837.433.095
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	83.009.497.041	36.562.312.844
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	10.053.130.438	2.466.425.644
Chi phí hoa hồng trả cho một bên thứ ba liên quan đến việc thanh lý một công ty con cấp 2	42.247.074.304	-
Chi phí tài chính khác	11.160.331.344	8.186.965.966
	<hr/> 528.408.903.958	<hr/> 585.024.105.173

32. Thu nhập khác

	2013 VND	2012 VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	11.605.368.430	51.448.674.795
Thu nhập từ bán điện, nước và cung cấp dịch vụ	137.657.560.272	109.974.610.976
Tiền bồi thường nhận được từ các đơn vị khác	1.337.297.969	746.555.121
Thu hồi các khoản nợ khó đòi đã xóa sổ	-	3.438.901.761
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc	-	27.840.010.801
Bất lợi thương mại phát sinh từ việc mua thêm cổ phần của công ty con (Thuyết minh 5)	36.550.392.151	-
Thu nhập khác	11.953.628.675	16.823.546.570
	<hr/> 199.104.247.497	<hr/> 210.272.300.024

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

33. Chi phí khác

	2013 VND	2012 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý và xóa sổ	13.289.515.039	53.325.542.178
Giá vốn của điện, nước và các dịch vụ cung cấp	135.129.274.388	105.586.225.602
Bồi thường cho đơn vị khác	4.354.203.398	22.614.020.434
Chi phí khác	13.464.318.578	13.803.250.882
	166.237.311.403	195.329.039.096
	166.237.311.403	195.329.039.096

34. Thuế thu nhập

34.1 Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2013 VND	2012 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành		
Năm hiện hành	387.541.030.040	168.073.770.557
Thuế TNDN trích thiếu năm trước	2.642.230.559	208.304.920
	390.183.260.599	168.282.075.477
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(6.214.468.936)	3.886.216.637
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên lỗi tính thuế trong các năm trước	-	15.531.619.023
	(6.214.468.936)	19.417.835.660
Chi phí thuế TNDN	383.968.791.663	187.699.911.137

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

34.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	2.394.404.194.432	1.218.205.340.654
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán		
Lỗi được chia từ các công ty liên kết	(256.198.814)	(541.298.162)
Phân bổ lợi thế thương mại	275.023.878.726	125.092.018.440
Hoàn nhập dự phòng thôi việc	-	(22.186.024.154)
Chi phí không được khấu trừ	51.873.936.263	34.136.034.739
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	15.884.305.241	(6.683.958.020)
	2.736.930.115.848	1.348.022.113.497
Lỗi tính thuế được ghi nhận	(11.144.642.716)	(58.729.817.637)
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.725.785.473.132	1.289.292.295.860
Chi phí thuế TNDN hiện hành	681.446.368.283	322.323.073.965
Ưu đãi thuế của các công ty con	(281.104.928.159)	(136.084.420.204)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(24.934.988.654)	(18.164.883.204)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trên lỗi tính thuế của các công ty con	12.134.578.570	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	387.541.030.040	168.073.770.557
Thuế TNDN phải trả đầu năm	124.017.842.930	168.012.714.066
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	2.642.230.559	208.304.920
Thuế TNDN nộp thừa đầu năm	(14.567.433.831)	(475.508.634)
Thuế TNDN tạm nộp năm trước trên tiền nhận được từ khách hàng theo tiến độ	-	(5.274.697.905)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(198.260.005.335)	(221.484.562.928)
Biến động khác	(220.113.119)	390.389.023
Thuế TNDN phải trả cuối năm	301.153.551.244	109.450.409.099
Trong đó:		
▪ Thuế TNDN phải trả cuối năm	315.239.777.566	124.017.842.930
▪ Thuế TNDN nộp thừa cuối năm	(14.086.226.322)	(14.567.433.831)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

34.3 Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 25% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định trong các quy định thuế hiện hành.

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc hội đã thông qua Luật thuế TNDN được sửa đổi và bổ sung, theo đó Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất tiêu chuẩn là 22% từ năm 2014 và 20% từ năm 2016.

35. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu, dựa trên số lợi nhuận thuần hợp nhất thuộc về các cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền lưu hành trong năm, được tính như sau:

35.1. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2013 VND	2012 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm (*)	419.052.533	344.980.178
Ảnh hưởng trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	69.841.425
Cổ phiếu quỹ bán trong năm	-	1.848.618
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	419.052.533	416.670.221

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cổ phiếu phổ thông đã phát hành bao gồm 31.361.348 cổ phiếu phát hành để trả cổ tức.

35.2. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông	1.954.187.537.863	994.024.322.436
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	419.052.533	416.670.221
	4.663	2.386

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

36. Các công cụ tài chính

36.1 Quản lý rủi ro tài chính

(a) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

(b) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Giám đốc của Công ty và các công ty con có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

36.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi tại các tổ chức tài chính.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(i)	2.121.054	1.287.203
Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	(ii)	387.794	224.661
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	1.279.434	1.264.648
		<hr/>	<hr/>
		3.788.282	2.776.512

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(i) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(ii) Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại các tổ chức tài chính danh tiếng và các khoản vay cấp cho một số công ty khác. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi và các khoản cho vay và không cho rằng các tổ chức tài chính và các công ty này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(iii) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Ban Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước, Ban giám đốc tin rằng, ngoài số tiền trình bày ở dưới đây, không cần thiết phải lập thêm dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày báo cáo.

Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	Triệu VND	Triệu VND
Chưa quá hạn	1.153.575	1.067.896
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	74.676	156.396
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	42.692	25.115
Quá hạn trên 180 ngày	8.491	15.241
	1.279.434	1.264.648
	1.279.434	1.264.648

Biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	178.589.724.256	13.082.396.194
Tăng dự phòng trong năm	3.678.712.679	166.860.274.959
Giảm do thanh lý một công ty con	-	(10.422.876)
Sử dụng dự phòng trong năm	(2.544.872.408)	-
Hoàn nhập	(165.080.362.090)	(1.342.524.021)
	14.643.202.437	178.589.724.256
	14.643.202.437	178.589.724.256

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

36.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Tại ngày lập báo cáo, các khoản nợ tài chính dài hạn có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND	Trong 1 năm Triệu VND	1 – 2 năm Triệu VND	2 – 5 năm Triệu VND	Hơn 5 năm Triệu VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2013						
Phải trả người bán và phải trả khác	2.828.249	2.828.249	2.828.249	-	-	-
Các khoản vay	7.575.383	8.377.416	6.350.171	747.177	967.419	312.649
	10.403.632	11.205.665	9.178.420	747.177	967.419	312.649
Ngày 31 tháng 12 năm 2012						
Phải trả người bán và phải trả khác	1.954.685	1.954.685	1.954.685	-	-	-
Các khoản vay	6.305.958	7.019.474	5.226.872	772.634	816.067	203.900
	8.260.643	8.974.159	7.181.557	772.634	816.067	203.900

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản tiền gửi có kỳ hạn và duy trì hạn mức tín dụng vay từ một số ngân hàng trong nước.

36.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(a) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	USD	USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.309.800	3.673.622
Phải thu khách hàng	1.084.011	2.380.125
Tài sản tiền tệ khác	181.024	-
Phải trả người bán	(62.413.466)	(43.941.723)
Vay ngắn hạn	(34.447.456)	(65.272.411)
Vay dài hạn	(2.224.876)	(2.370.419)
	<hr/>	<hr/>
	(96.510.963)	(105.530.806)
	<hr/>	<hr/>

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2013	31/12/2012
USD/VND	21.125	20.855
	<hr/>	<hr/>

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận hợp nhất trước thuế của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận hợp nhất trước thuế VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
USD (mạnh thêm 2% so với VND)	(40.775.881.868)
	<hr/>
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	
USD (mạnh thêm 4% so với VND)	(88.033.798.365)
	<hr/>

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận hợp nhất trước thuế của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013 Triệu VND	31/12/2012 Triệu VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính	2.230.353	1.347.886
Nợ phải trả tài chính	(6.229.440)	(4.851.402)
	<hr/>	<hr/>
	(3.999.087)	(3.503.516)
	<hr/>	<hr/>
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Nợ phải trả tài chính	(1.345.944)	(1.454.556)
	<hr/>	<hr/>

Nếu lãi suất của các công cụ tài chính chịu lãi thả nổi thay đổi 1% một năm sẽ làm tăng hoặc giảm lợi nhuận hợp nhất trước thuế của Tập đoàn 13.459 triệu VND (31/12/2012: 14.546 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác, đặc biệt là tỷ giá hối đoái, sẽ không thay đổi.

36.5 Giá trị hợp lý

(a) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	2.125.322	2.125.322	1.294.494	1.294.494
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.279.434	1.279.434	1.264.648	1.264.648
- Các tài sản tài chính khác	387.794	387.794	224.661	224.661
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả khác	(2.828.249)	(2.828.249)	(1.932.593)	(1.932.593)
- Các khoản vay	(7.575.383)	(7.678.237)	(6.305.958)	(6.251.522)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	(6.611.082)	(6.713.936)	(5.454.748)	(5.400.312)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản tài sản và nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản tài sản và nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh dài hạn

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phái sinh dài hạn, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc năm kế toán.

37. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2013 VND	2012 VND
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	698.414.250.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang	-	3.637.095.409
Tài sản thuần của một công ty con thanh lý trong năm tại ngày thanh lý:		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.803.344.502	717.862.192
Các khoản phải thu ngắn hạn	-	67.463.205.734
Hàng tồn kho (sau khi trừ dự phòng giảm giá hàng tồn kho)	-	20.112.435.473
Tài sản ngắn hạn khác	7.415.711.034	239.083.685
Tài sản cố định hữu hình - giá trị còn lại	3.388.157.715	14.671.602.827
Tài sản cố định vô hình - giá trị còn lại	-	9.503.981.699
Xây dựng cơ bản dở dang	104.523.432.005	675.421.490
Chi phí trả trước dài hạn	-	607.802.227
Nợ ngắn hạn	-	(33.166.861.590)

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2013 VND	2012 VND
Thành viên của Ban Kiểm soát và Hội đồng Quản trị		
Lương và thưởng	5.607.141.669	5.247.050.747
Thù lao	2.556.000.000	2.646.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

39. Các cam kết

39.1 Chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đã được duyệt và chưa ký kết hợp đồng	-	477.161.062.664
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	511.029.000.000	1.518.235.019.557
	<hr/> 511.029.000.000	<hr/> 1.995.396.082.221

39.2 Hợp đồng thuê

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	7.361.064.432	3.971.941.597
Trong vòng hai đến năm năm	7.775.643.474	10.876.303.724
Sau năm năm	97.005.325.952	58.758.170.924
	<hr/> 112.142.033.858	<hr/> 73.606.416.245

39.3 Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

Theo Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải nộp một khoản tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Theo điều 77.3 của Luật này, Chính phủ sẽ quy định cụ thể về quy định và phương pháp tính cũng như mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Ngày 28 tháng 11 năm 2013, Chính phủ ban hành Nghị định số 203/2013/NĐ-CP (“Nghị định 203”) quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, Nghị định này sẽ có hiệu lực từ ngày 20 tháng 1 năm 2014. Theo Điều 7 Nghị định 203, giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản sẽ được xác định theo giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công bố. Tính đến thời điểm hiện tại, Ủy ban Nhân dân các tỉnh nơi Tập đoàn có khu vực mỏ khai thác khoáng sản chưa có hướng dẫn cụ thể về cách tính giá tiền cấp quyền khai thác đối với một số khoáng sản mà Tập đoàn đang khai thác. Do đó, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hiện vẫn chưa được xác định.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

40. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	13.937.102.306.181	11.460.355.982.964
Chi phí nhân công	592.780.194.503	530.032.080.739
Chi phí khấu hao	720.195.566.311	596.227.337.059
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.085.670.258.288	1.540.952.035.136
Chi phí khác	1.201.478.463.530	650.986.015.744

Người lập:



Hoàng Thị Thanh Hương
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lý Thị Ngạn
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc